

Bản án số: **36/2021/HS - ST**
Ngày: 23/11/ 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Tố Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương.

2. Bà Trần Thị Duyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn H**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1989 tại Điện Biên; Nơi cư trú: Đội 12, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn H1 (Đã chết); Con bà: Lò Thị P, sinh năm: 1967; Vợ: Lương Thị H2, sinh năm: 1994 (đã ly hôn năm 2017); Bị cáo có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/01/2020, sau đó bị tạm giam cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người có nghĩa vụ liên quan:* Anh **Trần Văn T**; Sinh năm: 1976; Địa chỉ: Số nhà 06, tổ 11, phường N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 18/01/2020, Lò Văn H đi bộ từ nhà ở Đội 12, xã T X, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên mang theo 175.000 đồng đến bản X, xã T A, huyện Đ B

để tìm mua hồng phiến mang về nhà sử dụng và bán. Khi đi đến bản X, xã T A, huyện Đ B, Bị cáo gặp một người đàn ông dân tộc Thái, khoảng 35 tuổi (không biết tên, địa chỉ) đang đứng ở ngoài đường. Bị cáo hỏi "Có hồng phiến bán không, bán cho em bảy viên" Người đàn ông trả lời "Có, tao bán 25.000 đồng một viên" Bị cáo đồng ý và lấy 175.000 đồng ra đưa cho người đàn ông, người đàn ông cầm tiền rồi đưa cho Bị cáo 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu xanh, miệng gói được hơ lửa hàn kín, bên trong có 06 viên hồng phiến màu hồng và 01 viên hồng phiến màu xanh. Bị cáo cầm gói hồng phiến đó ở tay phải rồi đi bộ về nhà, còn người đàn ông đi đâu, làm gì Bị cáo không biết. Khi về đến nhà thấy không có người, Bị cáo mở gói hồng phiến vừa mua được lấy ra 01 viên hồng phiến màu hồng sử dụng hết bằng hình thức hút, sử dụng xong Bị cáo nhặt 01 ống nhựa màu cam rồi cho 05 viên hồng phiến màu hồng và 01 viên hồng phiến màu xanh vào trong ống nhựa rồi bịt kín hai đầu và cất giấu vào trong túi quần bên phải Bị cáo đang mặc. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Bị cáo đang ở nhà thì Trần Văn T, sinh năm 1976, trú tại Số nhà 06, tổ 11, phường N T, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên đến gặp Bị cáo hỏi "Có hồng phiến không, bán cho một viên?" Bị cáo trả lời "Có, một viên bán 50.000 đồng" rồi T lấy ra 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng đưa cho Bị cáo, Bị cáo cầm tiền cất vào trong túi quần bên phải đang mặc và lấy ra 01 viên hồng phiến màu hồng đưa cho T, T cầm viên hồng phiến đó rồi đi đâu, làm gì Bị cáo không biết. Một lúc sau, Bị cáo cầm số viên hồng phiến còn lại đi ra đằng sau nhà để chuẩn bị sử dụng thì Trần Văn T quay lại, đúng lúc đó thì tổ công tác Công an huyện Đ B phối hợp với Công an xã Thanh Xương vào nhà kiểm tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ tại tay phải của Bị cáo một ống nhựa màu cam bên trong có 04 viên hồng phiến màu hồng, 01 viên hồng phiến màu xanh và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 18/01/2020 đã xác định: 04 viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp thu giữ của của Lò Văn H có khối lượng là 0,41 gam, đã trích 0,1 gam gửi giám định, vật chứng còn lại là 0,31 gam; 01 viên nén màu xanh nghi ma túy tổng hợp thu giữ của của Lò Văn H có khối lượng là 0,1 gam, đã gửi toàn bộ giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 132/GĐ-PC09 ngày 23/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lò Văn H gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine; Không tìm thấy chất ma túy trong mẫu viên nén màu xanh thu giữ của Lò Văn H gửi giám định; Methamphetamine nằm trong danh mục chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Tại bản Cáo trạng số: 79/CT-VKSĐB ngày 07/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B đã giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Kiểm sát viên căn cứ Điều 319/BLTTHS rút một phần quyết định truy tố đối với Bị cáo và kết luận Bị cáo phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H: Từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về vật chứng của vụ án gồm: 0,31 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 01 ống nhựa màu cam bịt kín hai đầu có chiều dài 10 x 01cm; số tiền 50.000 đồng là tiền do Bị cáo phạm tội mà có.

Ngày 26/6/2020 Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B đã xử lý toàn bộ số vật chứng trên theo bản án hình sự sơ thẩm số 74/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ B. Đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí HSST. Ngày 09/6/2020 Bị cáo đã thi hành xong khoản tiền án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2010/07775 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B. Đề nghị HĐXX không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai, bản tự khai và lời khai của người có nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 16 giờ 40 phút ngày 18/01/2020, tại Đội 12, xã T X, huyện Đ B, tổ công tác Công an huyện Đ B phối hợp với Công an xã T L, huyện Đ B kiểm tra

phát hiện, bắt quả tang thu giữ tại tay phải của Bị cáo một ống nhựa màu cam bên trong có 04 viên Methamphetamine, 01 viên màu xanh và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Bị cáo khai tàng trữ số ma túy trên là để sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời. Cụ thể, hồi 16 giờ 30 phút ngày 18/01/2020 Bị cáo đã bán trái phép cho Trần Văn T 01 viên Methamphetamine để T sử dụng và thu được 50.000 đồng. Số ma túy còn lại gồm 0,41 gam Methamphetamine Bị cáo tàng trữ mục đích để sử dụng và có ai hỏi mua sẽ bán kiếm lời. Lời khai của Bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của Trần Văn T và số vật chứng thu giữ.

Bản cáo trạng số: 79/CT-VKSĐB ngày 07/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn H về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên căn cứ Điều 319/BLTTHS rút một phần quyết định truy tố đối với Bị cáo và kết luận Bị cáo phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự

Hội đồng xét xử xét thấy Bị cáo đã có hành vi mua ma túy mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Bị cáo đã bán 01 lần cho Trần Văn T 01 viên Methamphetamine được 50.000 đồng. Số ma túy còn lại gồm 0,41 gam Methamphetamine Bị cáo tàng trữ nhằm mục đích sử dụng và nếu ai hỏi mua thì Bị cáo sẽ bán nhưng Bị cáo chưa giao dịch mua bán cho đối tượng nào. Vì vậy hành vi của Bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại Khoản 1 Điều 251/BLHS. Tại phiên tòa Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố đối với Bị cáo và kết luận Bị cáo phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, Bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành

vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bản thân Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã T X, huyện Đ B, bản thân học hết lớp 04 thì nghỉ học ở nhà làm ruộng cùng gia đình. Năm 2015 đăng ký kết hôn với chị Lương Thị H3; sinh năm 1994; Chỗ ở: Bản T P, xã N N, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên (đã ly hôn năm 2017); Bị cáo có 01 con chung sinh năm 2017. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo nghiện ma túy từ năm 2009 cho đến ngày bị bắt.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251/BLHS, ngoài hình phạt chính “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Xong xét hoàn cảnh gia đình Bị cáo khó khăn, thu nhập chính từ làm ruộng ngoài ra không có nguồn thu nào khác nên không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số vật chứng đã thu giữ của Bị cáo cần xử lý như sau: Đối với 0,31 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 ống nhựa màu cam bịt kín hai đầu có chiều dài 10 x 01cm Bị cáo dùng đựng các viên Methamphetamine, hết giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 50.000 đồng là tiền do Bị cáo đã bán ma túy cho Trần Văn T mà có.

Ngày 26/6/2020 Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B đã xử lý toàn bộ số vật chứng trên theo bản án hình sự sơ thẩm số 74/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ B. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về các vấn đề khác:

Trong quá trình điều tra Bị cáo đã khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là do Bị cáo mua của một người đàn ông dân tộc thái, khoảng 35 tuổi (không biết tên, địa chỉ) ở bản X, xã T A, huyện Đ B với số tiền 175.000 đồng. Vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ B không có cơ sở để điều tra, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập việc xử lý đối với người này.

Đối với Trần Văn T đã mua 01 viên Methamphetamine của Lò Văn H và đã sử dụng hết. Ngày 12/3/2020 Công an huyện Đ B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 25/QĐ-XPVPHC đối với Trần Văn T với hình thức: Cảnh cáo. Xét thấy việc xử phạt vi phạm hành chính của Công an huyện Đ B là đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[7.1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7.2] Về sự vắng mặt của Người có nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T. Xét thấy tại phiên tòa ngày hôm nay Người có nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra Người có nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2010/07775 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B. Bị cáo đã nộp đủ án phí HSST.

[9] Về kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn H phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt Bị cáo: **03 (ba) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (18/01/2020).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

2. Về vật chứng: Chấp nhận về việc ngày 26 tháng 6 năm 2020 Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B đã xử lý toàn bộ số vật chứng trên theo bản án hình sự sơ thẩm số 74/2020/HS-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo PH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2010/07775 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B. Bị cáo đã nộp đủ án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND H. Đ B;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Tòa án ND tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Bộ phận HSNV CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan